

ĐẠI HỌC BÁCH KHOA TP.HCM
KHOA QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

KẾT QUẢ THI MÔN THỐNG KÊ TRONG KINH DOANH

Lớp: QL1101 - Học kỳ : 1 - Năm học: 2012-2013

STT	F_MASV	F_HOLOT	F_TEN	GK (0.3)	CK (0.7)	TK (1)
1	70802326	HOANG NGUYEN	TRI	3.0	5.0	4.40
2	70802612	TRAN THANH	VIET	6.0	6.5	6.35
3	70804041	NGUYEN DINH	BINH	5.5	6.5	6.20
4	70804621	LE MINH	THIEN	6.0	5.0	5.30
5	70902435	NGUYEN HONG	THAI	7.0	5.5	5.95
6	70903179	VO VAN	TU	7.0	4.5	5.25
7	71000057	LE TUAN	ANH	6.5	7.5	7.20
8	71000764	TRAN MINH	DUK	6.0		1.80
9	71001952	NGUYEN DINH	MINH	4.5	8.0	6.95
10	71002639	TA CONG	QUI	5.0	7.0	6.40
11	71100057	HOANG GIA BAO	ANH	6.0	5.5	5.65
12	71100120	NGUYEN VAN	ANH	5.5	6.5	6.20
13	71100127	PHAN TA TUAN	ANH	5.5	3.5	4.10
14	71100206	NGUYEN XUAN	BACH	6.0	7.5	7.05
15	71100274	TRUONG THI NGOC	BICH	7.0	8.5	8.05
16	71100412	DOAN VAN	CONG	7.0	4.5	5.25
17	71100522	NGO THI THUY	DIEU	6.5	7.5	7.20
18	71100590	PHAN NGOC	DUY	6.5	5.5	5.80
19	71100658	DO THANH	DUONG	5.0	4.0	4.30
20	71100718	DANG XUAN THANH	DAT	6.0	7.0	6.70
21	71100761	TRAN NGOC	DAT	7.5	6.5	6.80
22	71100849	BUI MINH	DUK	4.5	4.5	4.50
23	71100951	TRAN ANH	HAO	6.0	6.0	6.00
24	71100993	NGUYEN VAN	HAI	6.0	7.0	6.70
25	71101017	TRAN TRINH THANH	HAO	7.5	9.0	8.55
26	71101022	PHAM NGOC	HA	4.5	3.5	3.80
27	71101035	LE THI THU	HANG	7.0	8.5	8.05
28	71101037	NGUYEN THI	HANG	5.0	7.0	6.40
29	71101052	TRAN THI THUY	HAN	7.5	8.5	8.20
30	71101077	VO THI	HAU	5.5	8.5	7.60
31	71101079	NGO HOANG ANH	HIEN	5.5	5.0	5.15
32	71101151	VO THI LAC	HIEN	6.5	4.5	5.10
33	71101190	BUI THI KIM	HOA	5.0	8.0	7.10
34	71101502	TRUONG QUOC	HUNG	8.5	10.0	9.55
35	71101519	VU MAI THIEN	HUONG	8.5	8.0	8.15
36	71101530	NGUYEN VAN	HY	6.0	5.0	5.30
37	71101569	TRAN HOAN MY	KHANH	7.0	5.5	5.95
38	71101693	HUYNH TRAN AN	KHUONG	6.0	6.0	6.00
39	71101776	LE NGOC	LAM	5.5	4.0	4.45
40	71101786	PHAM QUANG	LAM	5.0	5.0	5.00
41	71101828	HUYNH THI THUY	LINH	6.0	6.0	6.00
42	71101846	NGUYEN THI THUY	LINH	3.5	5.0	4.55
43	71101876	PHAM TRONG	LICH	5.5	5.0	5.15
44	71101893	HUYNH THANH	LONG	6.5	5.5	5.80
45	71102011	NGUYEN NGOC	MAI	5.5	6.0	5.85
46	71102014	NGUYEN THI NGOC	MAI	8.0	5.5	6.25
47	71102023	NGUYEN VAN	MANH	4.0	4.0	4.00
48	71102272	NGUYEN TIEN	NGOC	6.0	4.5	4.95
49	71102286	DINH THI HONG	NGUYEN	5.0	6.0	5.70
50	71102335	LAU KIM	NGUYET	8.0	8.5	8.35

51	71102412	CHAU TRAN VAN	NHI	6.5	9.5	8.60
52	71102413	DAO VU THI BICH	NHI	8.0	9.0	8.70
53	71102438	NGUYEN	NHON	7.5	9.0	8.55
54	71102462	VU THI QUYNH	NHU	5.0	8.5	7.45
55	71102512	TRAN DAI	PHAT	5.0	5.5	5.35
56	71102520	DO NGOC	PHI	7.0	5.0	5.60
57	71102629	TRUONG THI	PHUC	6.5	9.0	8.25
58	71102668	NGUYEN PHAM BANG	PHUONG	6.5	5.0	5.45
59	71102805	TRUONG THI TUONG	QUY	6.0	7.5	7.05
60	71102806	DANG THI HONG	QUYEN	5.0	5.0	5.00
61	71102826	VU THI	QUYNH	7.0	7.0	7.00
62	71102878	NGO THANH	SANG	5.5	6.5	6.20
63	71103113	DOAN TRI	THANH	4.0	4.0	4.00
64	71103129	NGUYEN CHI	THANH	5.0	7.5	6.75
65	71103161	VO THIEN	THANH	8.0	7.0	7.30
66	71103397	HO DAC VINH	THINH	6.0	5.0	5.30
67	71103403	LE VAN	THINH	6.0	5.0	5.30
68	71103422	NGUYEN TRAN SONG	THINH	7.5	9.0	8.55
69	71103484	PHAM THI	THU	5.0	6.0	5.70
70	71103516	BUI THI MINH	THUY	5.5	8.5	7.60
71	71103533	DAO NGOC ANH	THU	6.0	2.5	3.55
72	71103536	LE THI MINH	THU	6.0	7.0	6.70
73	71103538	NGUYEN NHAT	THU	6.0	7.0	6.70
74	71103549	TRAN HUYEN	THUONG	6.5	9.0	8.25
75	71103584	DAO QUANG	TIEN	6.0	6.0	6.00
76	71103700	NGUYEN THANH	TOAN	9.0	5.0	6.20
77	71103725	HONG	TRANG	7.5	9.0	8.55
78	71103781	TRAN VU THUY	TRINH	6.5	6.5	6.50
79	71103794	HUYNH MINH	TRI	7.5	8.5	8.20
80	71103825	LE BA KHANH	TRINH	7.0	6.5	6.65
81	71103892	SAM LE	TRUNG	6.0	5.5	5.65
82	71103911	LUU THI NGOC	TRUC	5.0	8.0	7.10
83	71104082	NGUYEN THI CAM	TU	5.0	7.0	6.40
84	71104170	PHAM CAO	VAN	7.0	7.5	7.35
85	71104185	NGUYEN THI THUY	VAN	4.0	4.5	4.35
86	71104191	LE THI THANH	VI	7.0	7.0	7.00
87	71104193	NGUYEN THAI	VIEN	6.0	5.0	5.30
88	71104227	TRAN VU	VIET	6.0	5.5	5.65
89	71104306	NGUYEN HOANG	VU	5.5	6.0	5.85
90	71104340	CHU THE	VUONG	8.0	6.5	6.95
91	71104371	NGUYEN HA	VY	9.0	8.5	8.65
92	71104409	TRAN HOANG	YEN	4.5	3.5	3.80
93	90900357	NGO THUY	DIEU	6.5	6.0	6.15
94	90902670	LAM MINH	THUAN	9.0	7.0	7.60

Max	9.00	10.00	9.55
Min	3.00	2.50	1.80
Mean	6.16	6.39	6.28
Median	6.00	6.50	6.20
Stdev	1.2208158	1.656426	1.43149576
% >=5	90.4%	84.0%	85.1%